TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/KDTM-ST
Ngày: 22/9/2025.
V/v:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Tiến.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Tiến Lập.

2. Ông Lê Văn Châu.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Phi Nga - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Hà Nội *tham gia phiên toà*: Trần Hoàng Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 22/9/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3 - Hà Nội; địa chỉ: Số D T, phường H, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 39/2024/TLST-KDTM ngày 13/12/2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2025/QĐST-KDTM ngày 11 tháng 8 năm 2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 267/2025/ QĐST-KDTM ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V (V1)**; Địa chỉ trụ sở chính: H L, phường L, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A - Phó Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý theo văn bản ủy quyền số 58/2023/UQN-CTQT ngày 12/07/2023 của chủ tịch Hội đồng quản trị V1. Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Lâm A1; Anh Ma Quang M theo giấy ủy quyền số 21/2025/UQ-VPbank ngày 17/5/2025.

Bị đơn: **Công ty TNHH X;** Địa chỉ trụ sở: Số C T, phường B, Thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị N - Giám đốc; đăng ký thường trú và nơi ở: Ô đường A N, (số mới là số A ngõ G T), Tổ E, phường H, Thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972; đăng ký thường trú và nơi ở: Ô đường A N (nay là số A ngõ G T), Tổ E, phường H, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa có mặt ông Trần Lâm A1; người đại diện theo pháp luật của bị đơn và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đông phát hành và sử dụng thể tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số 100818-4014055/THETD ngày 10/08/2018: Công ty TNHH X1 khâu thiêt bị phụ tùng 168 (sau đây gọi tắt là Công ty F) vay vốn của Ngân hàng V2 với tổng số tiền 200.000.000đồng; Mục địch bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay trong hạn: 25%/năm. Lãi suất thẻ tín dụng trong hạn này sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định tại điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm (dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ). Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Biện pháp bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: Theo Hợp đồng bảo lãnh số: 100818/HĐBL/VPB-168 ngày 10/08/2018 bên bảo lãnh là bà Nguyễn Thị N đã đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty X trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả gồm: trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty X với Ngân hàng V1 phát sinh từ giấy đề nghị kiêm hợp đồng số 100818 - 4014055 ngày 10/08/2018 ký giữa Công ty X và Ngân hàng V1 bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung và văn bản liên quan. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty X chỉ trả được 400.000đồng vào ngày 20/9/2023 nhưng không đủ hạn mức thanh toán theo kỳ hạn và đến ngày 20/10/2023 ngân hàng V2 đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Tính đến ngày 22/9/2025. Công ty X còn nợ Ngân hàng V1 số tiền là: Gốc: 198.184.487đồng, Lãi là 249.125.520đồng; Tổng cộng cả gốc và lãi là: 447.310.007đồng. Nay ngân hàng TMCP V yêu cầu Tòa án buộc Công ty X phải thanh toán cho Ngân hàng V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng nêu trên. Trong trường hợp Công ty X không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hành VP. Ban K đề nghị Tòa án buộc bên bảo lãnh là bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty 168 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng nêu trên. Trong trường hợp Công ty X, bà Nguyễn Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng V2 thì Ngân hàng V2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty X, bà Nguyễn Thị N để thu hồi khoản nợ vay.

Bị đơn là Công ty TNHH X (gọi tắt là Công ty X) người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị N, chức vụ Giám đốc đã được tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên

tòa, Giấy triệu tập phiên tòa để bà Nguyễn Thị N biết những vấn đề cụ thể mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời triệu tập người đại diện theo pháp luật đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên, người đại diện theo pháp luật của bị đơn không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt do vậy không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi như đã trình bày. Trong trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc tính đến ngày 22/9/2025 là 198.184.487đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Do nguyên đơn không cung cấp được các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc bảo lãnh của bà Nguyễn Thị N, do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của bà Nguyễn Thị N đối với Công ty X.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Việc xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Bị đơn Công ty TNHH X (gọi tắt là Công ty X) người đại diện theo pháp

luật là bà Nguyễn Thị N, chức vụ Giám đốc, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng; Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị N không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án. Do bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xác định việc ra bản án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điềucủa Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (VP .) khởi kiện vụ án kinh doanh thương mại tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với Công ty TNHH X; Địa chỉ trụ sở: Số C T, phường B, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, và theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2025/NQ - HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân. Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Hà Nội) thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn xét thấy:

[3.1]. Ngày 10/8/2018, Công ty TNHH X (gọi tắt là Công ty X) người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị N, chức vụ Giám đốc có ký với Ngân hàng TMCP V1 hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng quốc tế của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản của ngân hàng V2 với hạn mức là 200.000.000đồng, thời hạn hạn mức tín dụng thẻ là 60 tháng, lãi suất trong hạn là 25%/năm, với mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Xét việc hai bên xác lập hợp đồng tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 30/2016/TT-NHNN ngày 14/10/2016), nên hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết. Tính đến ngày xét xử bị đơn Công ty X còn nợ ngân hàng V2 số tiền nợ gốc là 198.184.487đồng.

Xét yêu cầu của Ngân hàng V2 phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V2, xác nhận số tiền nợ gốc mà Công ty TNHH X còn nợ ngân hàng là 198.184.487đồng.

[3.2]. Đối với số tiền lãi quá hạn, Ngân hàng TMCP V (VP .) yêu cầu bị đơn trả là: 249.125.520đồng. Cụ thể ngân hàng yêu cầu lãi quá hạn từ ngày 20/10/2023 đến ngày 22/9/2025 lãi suất trong hạn được áp dụng là 25%/năm, lãi

suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn như ngân hàng giải trình là phù hợp với pháp luật. Căn cứ vào Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm c khoản 4 Điều 13, Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V2, buộc bị đơn phải trả số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 22/9/2025 là 249.125.520đồng.

[3.3]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bên bảo lãnh là bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty 168 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên. Trong trường hợp Công ty X, bà Nguyễn Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng V2. Ban K, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty X, bà Nguyễn Thị N để thu hồi khoản nợ vay. Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nguyên đơn cung cấp Hợp đồng bảo lãnh của bà Nguyễn Thị N bảo lãnh cho Công ty X, Hội đồng xét xử cũng đã tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu thực hiện việc bảo lãnh nhưng đến nay phía nguyên đơn không cung cấp được. Vì vậy xác định đây thuộc trường hợp chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên cần tách phần yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để giải quyết bằng vụ án khác khi nguyên đơn cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ chứng minh và có yêu cầu.

[4]. Từ những phân tích nhận định nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy cần buộc Công ty TNHH X phải trả cho Ngân hàng TMCP V (VP .) các khoản tiền còn nợ gốc và lãi là: 447.310.007đồng, trong đó nợ gốc là 198.184.487đồng và nợ lãi là 249.125.520đồng. Công ty TNHH X phải tiếp tục trả khoản tiền lãi đối với số tiền dư nợ gốc kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết số tiền này, theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[5]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 192; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2025/NQ - HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (VP .) về việc đòi Công ty TNHH X trả số tiền nợ phát sinh theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký kết ngày 10/8/2018. Buộc Công ty TNHH X trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (VP .) các khoản tiền tính đến ngày 22/9/2025 gồm: Dư nợ thẻ còn nợ là 198.184.487đồng, tiền lãi quá hạn là 249.125.520đồng. Tổng cộng: 447.310.007đồng *(Bốn trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm mười nghìn, không trăm linh bảy đồng)*.

[2]. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số dư nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bên bảo lãnh là bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty 168 và có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của bà Nguyễn Thị N để thu hồi khoản nợ vay. Nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với bà Nguyễn Thị N bằng một vụ án khác khi đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ là Hợp đồng bảo lãnh được ký kết giữa các bên.

[4]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH X phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.892.000đồng *(Hai mươi mốt triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn đồng)*. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 6.389.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0024601 ngày 13/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Hà Nội).

[6]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Văn T

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**